



CHỮ “TRUNG” TRONG QUAN NIỆM CỦA NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU VÀ Ý NGHĨA ĐỐI VỚI VIỆC XÂY DỰNG VĂN HÓA CHÍNH TRỊ CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Phạm Thị Hương¹, Ninh Văn Hùng²

¹Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam

²Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 14/05/2024

Ngày nhận kết quả bình duyệt:
24/09/2024

Ngày chấp nhận đăng:
01/2025

Title:

The word “Loyalty” in the concept of Nguyen Dinh Chieu and its current significance for the building political culture in the Communist Party of Vietnam

Keywords:

The concept of “loyalty”,
Nguyen Dinh Chieu’s thought,
Political culture

Từ khóa:

Quan niệm về “Trung”, Tư
tưởng Nguyễn Đình Chiểu,
Văn hóa chính trị

ABSTRACT

Nguyen Dinh Chieu is a typical nineteenth-century Vietnamese thinker and culturalist. He lived in a historical time with many changes in economy, politics, society, culture, and ideology, since then it had a profound influence on his thought as well as contemporary patriotic scholars, in which the concept of “Loyalty” must be mentioned. Nguyen Dinh Chieu’s concept of “Loyalty” was initially shaped by and expresses the primitive Confucianism’s content, which is loyal to the emperor, to reach a qualitative development and expand the content in that it is not only loyal to the emperor but also loyal to the people. Nguyen Dinh Chieu’s concept of “Loyalty” shows profound humanity, benevolence and affection for the people and has epochal significance for the construction of the political culture of the Communist Party of Vietnam during the process of gaining and maintaining independence as well as developing the country. As the highest organization leading the country, regularly cultivating and internalizing ideological values in history is necessary to build an advanced political culture imbued with the Party’s identity. From here, political culture has a decisive meaning to practical actions in developing democratic, fair, civilized Vietnamese people and country.

TÓM TẮT

Nguyễn Đình Chiểu là nhà tư tưởng, nhà văn hóa tiêu biểu của Việt Nam thế kỷ XIX. Ông sống trong thời đại lịch sử có nhiều biến động về kinh tế, chính trị - xã hội, văn hóa - tư tưởng, từ đó có ảnh hưởng sâu sắc đến tư tưởng của ông cũng như các chí sĩ yêu nước đương thời, trong đó phải kể đến quan niệm về “Trung”. Quan niệm về “Trung” của Nguyễn Đình Chiểu từ chỗ thuần túy chịu ảnh hưởng và thể hiện nội dung của Nho giáo nguyên thủy là trung với vua đã có bước phát triển về chất, mở rộng nội dung không chỉ trung với vua mà còn là trung với nhân dân. Quan niệm về “Trung” của Nguyễn Đình Chiểu thể hiện tính nhân văn, nhân nghĩa và thân dân sâu sắc, có ý nghĩa thời đại đối với công tác xây dựng văn hóa chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam trong suốt quá trình giành, giữ độc lập và phát triển đất nước. Với tính cách là tổ chức cao nhất lãnh đạo đất nước, việc thường

xuyên trau dồi, tiếp thu những giá trị tư tưởng trong lịch sử là cần thiết để xây dựng văn hóa chính trị tiên tiến, đậm đà bản sắc của Đảng. Từ đây, văn hóa chính trị có ý nghĩa quyết định đến những hành động thực tiễn trong phát triển đất nước, phát triển con người Việt Nam dân chủ, công bằng, văn minh.

1. GIỚI THIỆU

Nguyễn Đình Chiểu (1822 - 1888) tục gọi là Cù Đờ Chiểu sinh ra tại làng Tân Khánh, huyện Bình Dương, phủ Tân Bình, tỉnh Gia Định (nay thuộc thành phố Hồ Chí Minh). Ông xuất thân trong một gia đình nhà nho yêu nước. Trong hàng ngũ những trí thức Việt Nam chân chính nửa cuối thế kỉ XIX, Nguyễn Đình Chiểu hiện diện như một ngôi sao rực sáng trên bầu trời văn hóa - tư tưởng Việt Nam. Cổ thủ tướng Phạm Văn Đồng đã từng nhấn mạnh rằng: “Đó là một vì sao có ánh sáng khác thường, nhưng con mắt của chúng ta phải chăm chú nhìn thì mới thấy và càng nhìn càng thấy sáng” (Nguyễn Ngọc Thiện, 2003). Nguyễn Đình Chiểu là một nhà văn - nhà tư tưởng chân chính, một chiến sĩ của lí tưởng nhân văn, có tấm lòng yêu nước thương dân, có thái độ cứng rắn, dứt khoát với kẻ thù, luôn đề cao tinh thần khí phách của một nhà nho chân chính, một chí sĩ yêu nước không chịu khuất phục trước uy vũ của kẻ thù.

Ở tư tưởng Nguyễn Đình Chiểu, chúng ta nhận thấy rõ nét những giá trị của Nho giáo truyền thống và quá trình thay đổi, chuyển hóa của chính nhà tư tưởng trước bối cảnh thời đại. Bởi vậy, trong tư tưởng của Nguyễn Đình Chiểu không chỉ thuần túy là những suy tư của ông trước thời cuộc lịch sử đầy biến động mà nó còn phản ánh sắc nét tâm tư, tinh thần của đông đảo người dân Nam Bộ nói riêng, người dân Việt Nam nói chung. Văn học chính là vũ khí sắc bén giúp chuyển chở tư tưởng Nguyễn Đình Chiểu, giúp ông phản ánh hiện thực và đến gần với quần chúng lao động cần lao. Đây cũng là phương thức biểu đạt tư tưởng phổ biến của các nhà tư tưởng Việt Nam. Do vậy, khảo cứu các

tác phẩm thơ văn mà ông để lại không chỉ có ý nghĩa đối với văn học mà còn có ý nghĩa đối với việc nghiên cứu tư tưởng triết học.

Là một đại diện tư tưởng, một nhà văn tiêu biểu của Việt Nam thế kỷ XIX, chính vì vậy những nghiên cứu về Nguyễn Đình Chiểu cũng phát triển cả ở hai khía cạnh là tư tưởng triết học và văn học, cụ thể:

Thứ nhất, từ góc độ văn học có một số công trình tiêu biểu như:

Trong cuốn “*Nguyễn Đình Chiểu tác phẩm và lời bình*” do nhà xuất bản Văn học Hà Nội ấn hành năm 2000, tác giả Tuấn Thành và Anh Vũ đã giới thiệu một số tác phẩm tiêu biểu, và trích dẫn một số bài nghiên cứu, phê bình về thơ văn Nguyễn Đình Chiểu ở các khía cạnh khác nhau. Trong đó, bài viết của Đặng Thai Mai có nhận định rằng: Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu là “khúc ca hùng tráng” của phong trào yêu nước chống thực dân Pháp ngay từ những ngày đầu chúng mới đặt chân xâm lược đất nước Việt Nam. Cũng trong cuốn sách này, Hoài Thanh đã nhận xét về thơ văn Nguyễn Đình Chiểu: “Từ ngày đất nước bị xâm lược toàn bộ thơ văn Nguyễn Đình Chiểu chỉ xoay quanh một vấn đề là vấn đề mất nước. Từ tiếng chửi, lời ca tiếng khóc đến lời ước mơ đều hướng về một mục tiêu duy nhất là chửi vào những chuyện bội bạc, hưởng phúc, dâm ô, chửi vào các loại Võ Thê Loan, Trịnh Hâm, Bùi Kiệm mà còn chửi giặc Tây và những đứa theo Tây” (Tuấn Thành & Anh Vũ, 2005). Có thể thấy, thông qua cuốn sách, người đọc sẽ có cái nhìn tổng quát về Nguyễn Đình Chiểu ở lớp lang thứ hai, tức những người đã đọc và nghiên cứu trực tiếp văn bản của ông. Ở một cuốn sách

khác, “*Nguyễn Đình Chiểu, tác gia và tác phẩm*” do nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội ấn hành năm 2003 đã khắc họa rõ nét chân dung một nhà tư tưởng yêu nước thân dân - Nguyễn Đình Chiểu, đặc biệt là tầng lớp nhân dân lao động vất vả. Tập hợp các bài viết trong cuốn sách một lần nữa khẳng định rằng, với Nguyễn Đình Chiểu, thơ văn chính là vũ khí để ông biểu đạt tư tưởng và thể hiện tinh thần đấu tranh cho chính nghĩa. Không chỉ vậy, qua thơ văn ông còn nói lên tiếng lòng và quyết tâm chiến đấu của nhân dân lao động.

Hay, trong khuôn khổ một bài tạp chí, tác giả Lê Văn Hỷ với bài “*Nguyễn Đình Chiểu trong nghiên cứu văn học ở miền Bắc 1954 - 1975*” (đăng trên *Tạp chí Nghiên cứu văn học*, số 10(560)/2018) đã đưa đến một cái nhìn toàn cảnh về Nguyễn Đình Chiểu trong nghiên cứu văn học ở miền Bắc giai đoạn 1954 - 1975. Điều này cho thấy, sự ảnh hưởng cũng như tác động từ những tác phẩm văn học của Nguyễn Đình Chiểu đối với đời sống xã hội, không chỉ là tiếng nói, tâm tư của người dân Nam Bộ mà thực sự đã nói đúng, đã đại diện cho đông đảo tầng lớp cần lao trong nước. Do vậy, những nghiên cứu văn học miền Bắc cũng nở rộ và phong phú.

Thứ hai, từ góc độ tư tưởng triết học nổi bật với những nghiên cứu như:

Cuốn “*Nguyễn Đình Chiểu tấm gương yêu nước và lao động nghệ thuật*”, xuất bản năm 1973 của Viện Văn học và cuốn “*Nguyễn Đình Chiểu ngôi sao sáng của người trí thức Việt Nam*”, xuất bản năm 1982, Nhà xuất bản Khoa học xã hội: Ở hai công trình này, những quan điểm về con người của Nguyễn Đình Chiểu được phác họa thông qua mối quan hệ quân - thần. Trong đó, quan niệm về “Trung” cũng được đề cập và phân tích như là sợi dây tạo lập của mối quan hệ cơ bản quân - thần. Bên cạnh những nghiên cứu mang tính phổ quát là loạt nghiên cứu đi sâu vào từng phạm trù trung tâm

trong tư tưởng của Nguyễn Đình Chiểu như: “*Nhân nghĩa - một nét đẹp trong tư tưởng Nguyễn Đình Chiểu*” của Nguyễn Thị Luận đăng trên *Tạp chí Nhân lực Khoa học Xã hội*, số 4 (11)/2014. Trong bài viết, tác giả đã phân tích và chứng minh cho lập luận rằng nhân nghĩa là giá trị bao trùm, thấm đẫm trong tư tưởng Nguyễn Đình Chiểu. Không những thế, nhân nghĩa cũng chính là nét đẹp, là giá trị căn bản mà thể hệ các nhà nho yêu nước đương thời luôn đau đáu hướng tới. Hay, Nguyễn Thanh Thùy Trang với loạt bài “*Tìm hiểu quan niệm về đạo làm người của Nguyễn Đình Chiểu*” (*Tạp chí Khoa học Chính trị*, số 8/2017) và “*Đặc điểm và ý nghĩa trong quan niệm về đạo làm người của Nguyễn Đình Chiểu*” (*Tạp chí Khoa học Chính trị*, số 2/2018). Trong đó, tác giả đã làm rõ hai vấn đề: Một là những điểm kế thừa và khác biệt trong tư tưởng về đạo làm người của Nguyễn Đình Chiểu so với các nhà tư tưởng đi trước như Nguyễn Du, Nguyễn Trãi; hai là làm rõ giá trị, ý nghĩa của tư tưởng đối với việc xây dựng văn hóa đạo đức ngày nay. Cùng một số luận văn, luận án như: Luận văn thạc sĩ của Trần Thị Thu Hương “*Giá trị đạo lý trong sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu*” (Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên, 2017), luận án tiến sĩ của Tạ Thị Thanh Huyền “*Nguyễn Đình Chiểu trong không gian văn hóa Nam Bộ*” (Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội, 2019).

Nhìn chung, dù khai thác từ góc độ văn học hay tư tưởng triết học thì các nghiên cứu đều làm nổi bật chân dung Nguyễn Đình Chiểu ở nhiều chiều cạnh, mà thiếu một phương diện nào cũng không đem lại cái nhìn toàn diện về một nhà tư tưởng lớn của Việt Nam. Trong đó, phạm trù “Trung”, tuy chưa được luận bàn cụ thể, riêng biệt nhưng luôn được lồng ghép và nhắc đến trong nhiều nghiên cứu trước đây, đó chính là khoảng trống để chúng tôi hình thành nên bài báo này. Qua khảo cứu tư liệu và các văn bản

học của Nguyễn Đình Chiểu, chúng tôi nhận thấy nổi bật lên trong hệ tư tưởng của ông chính là phạm trù “Trung”. Nó không chỉ được thể hiện xuyên suốt trong dòng tư tưởng của Nguyễn Đình Chiểu mà thực sự chứa đựng nhiều giá trị đối với hiện nay. Nội hàm chữ “Trung” trong tư tưởng Nguyễn Đình Chiểu nói riêng và trong dòng chảy của lịch sử tư tưởng Việt Nam nói chung đã thấm nhuần vào đường lối, tôn chỉ xây dựng và hành động của Đảng Cộng sản Việt Nam. Sự ảnh hưởng của tư tưởng ở Việt Nam không phải lúc nào cũng diễn ra trực tiếp và cụ thể mà diễn ra một cách âm thầm, vô thức, nhiều khi chủ thể bị ảnh hưởng không hề hay biết. Trong phạm vi bài báo này, bên cạnh việc phân tích và chứng minh nội dung quan niệm về “Trung” của Nguyễn Đình Chiểu, chúng tôi cũng tập trung chứng minh, phân tích giá trị, ảnh hưởng tư tưởng của ông đối với việc xây dựng văn hóa chính trị của tổ chức Đảng ở Việt Nam.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ KỸ THUẬT SỬ DỤNG

2.1 Phương pháp nghiên cứu

Bài báo sử dụng phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử trong nghiên cứu lịch sử triết học và các phương pháp cụ thể bao gồm: Phân tích, tổng hợp, logic và lịch sử.

2.2 Kỹ thuật sử dụng

Bài báo sử dụng kỹ thuật phân tích tài liệu là hệ thống các văn bản về tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu đã được xuất bản và các nghiên cứu về Nguyễn Đình Chiểu đã được công bố chính thức có chủ đề nghiên cứu gần gũi với bài báo.

3. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

3.1 Quan niệm của Nguyễn Đình Chiểu về “Trung”

“Trung” là phạm trù luân lý của Nho giáo dùng để chỉ thái độ chân thành, trung thực, có trách nhiệm, hết lòng hết sức trong việc đối xử với mọi người. Hàm nghĩa chính trị của “Trung” là chuẩn mực

đạo đức của bề tôi đối với vua, mọi suy nghĩ, mọi lời nói, mọi chức vị, mọi sức lực đối với vua đều thành thực, không giả dối. Ở Nho giáo Khổng Mạnh (Nho giáo nguyên thủy), “Trung” còn có tính chất hai chiều tức là giữa vua và bề tôi có trách nhiệm và nghĩa vụ như nhau. Kể từ Hán Nho trở đi, chữ “Trung” dần mang tính áp đặt một chiều, chỉ bề tôi phải có trách nhiệm và nghĩa vụ phục tùng tuyệt đối nhà vua, trong nhiều trường hợp dẫn đến quan điểm cực đoan. Là một nhà nho yêu nước sống ở thế kỷ XIX, Nguyễn Đình Chiểu cũng giống như nhiều nhà tư tưởng khác, tư tưởng của ông được hun đúc nên từ những ảnh hưởng của thời đại cộng với ý hướng cá nhân phát triển. Bởi vậy, quan niệm của ông về “Trung” vừa có sự kế thừa của tư tưởng Nho giáo nguyên thủy vừa có sự phát triển khác biệt mang đặc sắc của Nho giáo Việt Nam, được biểu hiện cụ thể ở ba nội dung sau:

Thứ nhất, về nội dung của “Trung”

Nguyễn Đình Chiểu rất coi trọng đạo trung đối với con người, đặc biệt là người nam nhi trong xã hội, rằng “trai thời trung hiếu làm đầu” (Nguyễn Đình Chiểu, 1997, tập 1). Ông cụ thể hóa “Trung” chính là lòng trung của chủ thể trong hai mối quan hệ chính trị cơ bản chính là: trung đối với vua và trung đối với đất nước. Trung cũng gắn liền với tinh thần yêu nước thương dân. Đối với các nhà nho thời phong kiến ở Việt Nam, quan niệm về “Trung” ở mỗi người là khác nhau và do đó có lối hành xử khác nhau trong đời sống cá nhân. Quan niệm thực hiện “Trung” với vua gắn liền với tinh thần yêu nước của các nhà tư tưởng trong đó có Nguyễn Đình Chiểu chính là điểm khác biệt căn bản so với nghĩa gốc của đạo “Trung” trong Nho giáo Trung Quốc và mang bản sắc dân tộc.

Chế độ phong kiến ở Việt Nam, việc bảo vệ chủ quyền đất nước không thể tách rời khỏi việc bảo vệ quyền lực của vua. Việc người anh hùng dân tộc xưng vương và lòng quyết tâm của nhân dân bảo vệ vương quyền trong lịch sử dân tộc

chính là sự khẳng định chủ quyền của đất nước. Ở giai đoạn đầu, nội dung biểu đạt của “Trung” trong quan niệm của Nguyễn Đình Chiểu không khác biệt so với quan niệm Nho giáo truyền thống. Bởi vậy, ngôi “Đông Hoàng”, “Đông Quân” mà Nguyễn Đình Chiểu thường nhắc tới chính là để xác định chủ quyền của dân tộc, phủ nhận và chống lại quyền thống trị của bọn “dĩ” bọn “rợ” do ngọn gió Tây đưa lại. Do đó, “trung” ở giai đoạn đầu của nhận thức Nguyễn Đình Chiểu đích thực là “trung quân”, tức trung với vua. Mà vua và nước thường đi đôi với nhau nên trung với vua là biểu hiện của yêu nước, là biểu hiện trung với nước. Thời gian dài sau đó, khi hệ tư tưởng phong kiến bị phá sản và hệ tư tưởng của một lực lượng xã hội mới ra đời, tư tưởng của Nguyễn Đình Chiểu lúc này cũng cho thấy sự chuyển biến ít nhiều. Cụ thể, với ông, hiện thân của chủ quyền đất nước mới không còn thống nhất ở vua, nước không còn là một vương thổ mà dân là dân nước, nước là nước dân. Đạo trung, lòng trung vì vậy mà chuyển hóa thành trung với dân, dân là nước, trung với dân là trung với nước.

Với lòng quyết tâm bảo vệ chủ quyền đất nước, Nguyễn Đình Chiểu cũng giống như bao nhà yêu nước đương thời đều cho rằng chống xâm lược chính là thể hiện lòng trung, trung với vua. Đã trung với vua thì không thể không chống lại giặc. Bản chất của lòng “Trung” theo Nguyễn Đình Chiểu chính là “đạo trời”: “*Đạo trời nào phải đâu xa? / Gọi tám lòng người có giải ra*”(Nguyễn Bá Thế, 1957).

Lòng “Trung” không những là cái đạo “đạo vị ở mình ta” mà cả đến “loài ong kiến còn biết nghĩa quân thần”, “loài hổ mang cũng niệm tình phụ tử”. Hệ tư tưởng phong kiến truy về nguồn gốc tiên thiên của đạo “trung” chính là để khẳng định và đề cao sự phục tùng, đề bẹp sức phản kháng của quần chúng nhân dân. Nhưng, Nguyễn Đình Chiểu thì trái lại, ông muốn đề cao nghĩa vụ không thể thay đổi của con người là phải chống

giặc cứu nước. Hơn nữa, Nguyễn Đình Chiểu còn muốn phê phán và bộc lộ thái độ khinh miệt đối với những kẻ đầu hàng giặc, như thế là “đã mất tính người”, không còn đạo “Trung” ở trong lòng.

Thứ hai, gốc của “Trung” là “Dân”

Nghiên cứu, phân tích quan niệm của Nguyễn Đình Chiểu về “Trung” không chỉ cho thấy yếu tố tĩnh - tức những nội dung, nội hàm của phạm trù này mà còn bao hàm cả yếu tố động - tức quá trình vận động của quan niệm đi từ cái bộ phận (chỉ hướng về vua) đến cái toàn thể (mở rộng ra nhân dân). Không dừng lại ở đó, trong quan niệm của Nguyễn Đình Chiểu về chữ “Trung” còn cho thấy sự phát triển về chất khi nhà tư tưởng giác ngộ ra gốc rễ thật sự của đạo trung, lòng trung mà những sĩ phu yêu nước như ông bấy lâu vẫn trọn đạo tôn thờ đó chính là quần chúng nhân dân, những người dân cần lao, những người dân đói khổ đang chịu muôn tầng áp bức. Dân chính là gốc của đạo trung, bởi vậy thân dân là về với trung đạo.

Chẳng thế mà từ *Lục Vân Tiên* đến *Điếu Phan Công Tòng* cho thấy sự chuyển hóa, phát triển trong tư tưởng của Nguyễn Đình Chiểu khi luận về “Trung”. Nếu như ở *Lục Vân Tiên*, lòng trung chủ yếu thể hiện quan hệ một chiều của thần với quân. Thì đến *Điếu Phan Công Tòng* đã có sự khác biệt: “Làm người trung nghĩa đáng bìa son / Đứng giữa càn khôn tiếng chẳng mòn” (Nguyễn Đình Chiểu, 1997, tập 2). Quan niệm về “Trung” ở đây dù vẫn hiện diện trong mối quan hệ cơ bản quân - thần song “Trung” trước hết là phải lấy dân làm gốc, quan hệ vua tôi, quan hệ gia đình chưa phải là hàng đầu. Bởi vậy, Nguyễn Đình Chiểu nói nhiều đến ơn giúp nước, nghĩa giúp đời. Ở Nguyễn Đình Chiểu, trung quân phải gắn liền với ái quốc, nhưng ái quốc là cái tuyệt đối còn trung quân chỉ là tương đối. Ông không thể không quan niệm nước mà không gắn với vua, nhưng ngôi vua ấy phải thực sự đại diện cho sức mạnh của toàn dân tộc. Tuy nhiên, tư tưởng tôn quân của Nguyễn Đình Chiểu

là một chỉ báo cho thấy sự sụp đổ của hệ tư tưởng chính thống và trong chừng mực nhất định, nó trở thành một trong những điều kiện để đón nhận tư tưởng tình cảm mới, trở thành dấu hiệu của sự tiến bộ.

Quan điểm nhân dân chính là gốc rễ của “Trung”, càng về giai đoạn sau càng cho thấy sự chi phối xuyên suốt trong quan điểm của Nguyễn Đình Chiểu. Không chỉ vậy, trong đối sánh với “trung quân”, ông còn có phần đề cao “trung với dân” hơn. Ông đề cao, ca ngợi, cổ vũ hành động Trương Định không chịu tuân lệnh vua Tự Đức hàng giặc, trái lại theo lời đề nghị của nhân dân, còn tiếp tục phát cao ngọn cờ kháng chiến: “Bởi lòng chúng chẳng nghe thiên tử chiếu, đón ngăn mấy dặm mã tiền; Theo bụng dân, phải chịu tướng quân thù, gánh vác một vai khốn ngoại” (Nguyễn Đình Chiểu, 1997, tập 2). Như nghĩa sĩ Phan Công Tòng nén đau thương trong lúc còn chịu tang mẹ vẫn quyết giương cao ngọn cờ đấu tranh giành lại công lý cho người dân nghèo: “Anh hùng thà thác chẳng đầu Tây, / Một giắc sa trường vận cũng may. / Viên đạn nghịch thần reo trước mặt, / Lưỡi gươm địch khái nắm trong tay” (Nguyễn Đình Chiểu, 1997, tập 2).

Như thế, nhân dân là gốc rễ, là mục đích, cũng là đối tượng hướng đến của đạo “Trung”. Đến lượt mình, người sĩ phu nhận thức ra đạo “Trung” với dân cũng tức là khi họ thể hiện và đại diện cho ý chí, nguyện vọng, tiếng nói của đông đảo quần chúng nhân dân. Trung với dân khi ấy cũng chính là trung với nước.

Thứ ba, thực hành “Trung” là hành động để bảo vệ chính nghĩa, đấu tranh chống lại cái ác, cái bạo tàn, chăm lo cho nhân dân

Quan niệm của Nguyễn Đình Chiểu về “Trung” không chỉ giải thích nội dung mà còn chứa đựng những chỉ báo có ý nghĩa như là phương thức hành động, thực hành “Trung” trong xã hội. Khi đó, trong quan niệm của ông, thực hành “Trung” còn được quy thành các nhiệm vụ

chính trị rất rõ ràng, cụ thể. Trước hết, đối với vua một nước, việc thực hành “Trung” không gì khác chính là “trí quân, trạch dân” (theo quan niệm Nho gia trí quân là vua Nghiêu Thuấn, làm cho vua tốt như vua Nghiêu vua Thuấn, trạch dân là làm ơn huệ cho dân). Trí quân là để trạch dân, trạch dân thì tất thành trí quân. Nguyễn Đình Chiểu đã cụ thể hóa hơn nữa nhiệm vụ trạch dân ở đây chính là phải thân dân, an dân, dưỡng dân, chăm lo cho nhân dân. Ông đã phản ánh trung thành nội dung lấy trạch dân làm gốc để trí quân thông qua hình ảnh Sở Vương, một vị vua anh minh, luôn ủng hộ chính nghĩa, bảo vệ và chăm lo cho cuộc sống của muôn dân.

Mặt khác, thực hành “Trung” đối với những sĩ phu yêu nước, những kẻ sĩ một lòng vì dân vì nước còn là “diệt Kiệt, phạt Trụ” (hàm nghĩa đấu tranh chống lại, xóa bỏ những tầng áp bức đang nô dịch nhân dân). Ngay khi thực dân Pháp chưa xâm chiếm nước ta, triều đình nhà Nguyễn đã bộc lộ sự yếu kém của mình trong quản trị xã hội, không những không an dân, dưỡng dân, trái lại còn cho thấy sự tàn bạo, mục nát của triều đình trung ương tập quyền. Trước hiện thực đó, Nguyễn Đình Chiểu đã bộc lộ rõ thái độ của mình thông qua lời của ông Quán: “*Quán rằng: ghét việc tầm phào / Ghét cay ghét đắng, ghét vào tận tâm / Ghét thời Kiệt Trụ mê dâm/Để dân đến nỗi sa hầm sảy hang*” (Nguyễn Đình Chiểu, 2017). Lời của ông Quán chính là lời giải đáp câu hỏi mang đầy ý nghĩa hoài nghi và phê phán của thời đại: “biết ai thiên tử biết ai thần”. Kiệt, Trụ đã để dân “sa hầm sảy hang” cho nên không còn vua ra vua nữa. Vua tôi nhà Nguyễn đã “khí dân”, “mãi quốc” cho nên cũng không phải là vua, là thánh đế, là thiên tử nữa.

Từ quan niệm về gốc của “Trung” dân mà phân lớn trong các tác phẩm của mình, dù được truyền tải bằng nhiều nhân vật khác nhau, nhiều bối cảnh khác nhau, song Nguyễn Đình Chiểu

đều thể hiện nhất quán quan điểm, thái độ đó là cần phải thân dân, an dân, dưỡng dân, chăm lo cho nhân dân. Đó cũng chính là ý nghĩa, thực chất của việc thực hành “Trung” mà một nhà tư tưởng cấp tiến như Nguyễn Đình Chiểu bàn đến. Sự khác biệt giữa giai cấp thống trị và những nhà tư tưởng tiến bộ khi luận bàn về quan điểm “thân dân” là ở chỗ, giai cấp thống trị phong kiến đứng trên lập trường của kẻ bóc lột mà giành dân, nhằm biến dân thành công cụ, kẻ phục vụ cho quyền lợi cá nhân, còn những nhà tư tưởng tiến bộ thì đứng trên lập trường của nhân dân, chống lại những lực lượng thống trị đó. Nguyễn Đình Chiểu trong tác phẩm *Lục Vân Tiên* đã đấu tranh cho lý tưởng nhân nghĩa nhưng ông không nhằm củng cố cho địa vị thống trị của nhà Nguyễn đương thời. Điều ông nhấn gài, ước mong là một xã hội phong kiến lý tưởng xa xưa mà ông có thể hình dung qua sách vở. Nhưng, vượt lên trên tất cả, trước hết lý tưởng của Nguyễn Đình Chiểu vẫn là vì con người, vì hạnh phúc của nhân dân trong thời đại của ông. Bởi vậy, một loạt hình tượng nhân vật được ông xây dựng nhằm thực hành đạo “Trung” như Lục Vân Tiên “ra sức anh hào” đánh cướp Phong Lai là để “cứu người cho khỏi lao đao buổi này” và về sau “lãnh cờ bình tặc phá thành Ô Qua” cũng là để bảo vệ cuộc sống yên vui của đất nước. Kiều Nguyệt Nga, Vương Tử Trực, Hồn Minh,... thực hiện đạo lý nhân nghĩa để bảo toàn đạo đức chân chính của mình và của nhân dân. Ông Quán bình luận yêu ghét cũng lấy quyền lợi của dân làm điểm xuất phát.

Nguyễn Đình Chiểu xuất thân từ một gia đình nhà nho, được đào tạo trong môi trường nho học. Ông lại sống dưới chế độ phong kiến triều Nguyễn, một triều đại tôn sùng Nho giáo đến tột mức. Trong môi trường như vậy, không thể tránh khỏi sự chi phối, ràng buộc khỏi hệ tư tưởng Nho giáo ở Nguyễn Đình Chiểu trong diễn đạt tư tưởng của mình, đặc biệt là ở giai đoạn đầu của tư tưởng Nguyễn Đình Chiểu.

Nhưng, điểm sáng trong tư tưởng của Nguyễn Đình Chiểu chính là ông không hề rập khuôn tư tưởng Nho giáo hay vận dụng một cách tuyệt đối vào diễn đạt tư tưởng của mình mà hoàn toàn có sự tiếp biến, thích ứng với điều kiện lịch sử và truyền thống đạo đức, văn hóa dân tộc. Vì thế, trong quan niệm về “Trung” đã được Nguyễn Đình Chiểu tiếp biến để phát huy được các yếu tố tích cực giúp ích cho nhân dân, dân tộc (dân là gốc của nước, trung với nước là phải thân dân, dưỡng dân, an dân), hạn chế đi những yếu tố tiêu cực tồn tại ban đầu của Nho giáo (tuyệt đối hóa vị thế của vua, bề tôi trung thành tuyệt đối với vua cho dù đó có thể là một ông vua vô minh).

3.2 Giá trị của quan niệm “Trung” trong xây dựng văn hóa chính trị của Đảng ta

Văn hóa chính trị là phương diện văn hóa của hoạt động chính trị. Văn hóa chính trị nói lên những giá trị vật chất và tinh thần với hạt nhân là các giá trị chính trị nhân văn, dân chủ, tiến bộ được con người sáng tạo và sử dụng trong thực tiễn chính trị, để thực thi quyền lực chính trị, quyền lực nhà nước nhằm thực hiện lợi ích chính trị cơ bản của giai cấp hay của nhân dân phù hợp với sự phát triển lịch sử. Hoạt động của tổ chức chính trị là sự thống nhất hoạt động của các cá nhân hướng đến mục tiêu và lý tưởng chính trị chung của tổ chức. Với cương vị là tổ chức cao nhất trong hệ thống chính trị Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam ngay từ khi thành lập đã thể hiện vai trò tập hợp sức mạnh và lãnh đạo nhân dân hoàn thành những nhiệm vụ trong từng giai đoạn của đất nước. Với mục tiêu nhất quán và phương tiện rõ ràng, cụ thể, Đảng Cộng sản Việt Nam không những đưa đất nước phát triển mà ngày càng khẳng định tính chất nhân văn, đúng đắn của một tổ chức chính trị, góp phần làm nên nét đặc trưng của văn hóa chính trị Việt Nam. Với ý nghĩa đó, những hạt nhân giá trị trong tư tưởng của Nguyễn Đình Chiểu nói riêng cũng như những

giá trị tư tưởng của thể hệ các nhà nho yêu nước nói chung luôn được Đảng ta kế thừa, phát triển trong quá trình xây dựng đất nước.

Có thể khẳng định rằng, quan niệm về “Trung” của thể hệ các nhà tư tưởng phong kiến Việt Nam, trong đó có Nguyễn Đình Chiểu chứa đựng những nhân tố đóng vai trò là “hòn đá tảng” để định hình bản chất, xây dựng nên nét văn hóa chính trị đặc sắc của Đảng ta ngày nay. Cả mục tiêu chính trị và phương tiện chính trị của Đảng đều thấm nhuần giá trị cốt lõi của đạo “Trung” mà Nguyễn Đình Chiểu bàn đến đó chính là lấy dân làm gốc, được Chủ tịch Hồ Chí Minh phát triển thành “trung với nước, hiếu với dân”. Suy cho cùng chữ “Trung” ấy là trung với nhân dân, bởi nhân dân chính là đất nước. Cụ thể:

Thứ nhất, mục tiêu chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam thấm nhuần tư tưởng lấy dân làm gốc. Ngay từ khi thành lập, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn nhất quán trong việc xác định đường hướng phát triển đất nước. Kiên định với mục tiêu đã xác định là đặc trưng nổi bật dễ nhận thấy. Mục tiêu chính trị của Đảng ta là chủ nghĩa cộng sản. Trong đó, vào mỗi giai đoạn cụ thể của đất nước lại tiến hành những mục tiêu trước mắt để tạo đà thực hiện mục tiêu lâu dài. Mục tiêu chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam phản ánh bản chất của chế độ chính trị của nhà nước Việt Nam. Cái cốt lõi và cũng là mục tiêu cuối cùng được Đảng xác định chính là thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân. Điều đó đồng nghĩa rằng bản chất của chủ nghĩa xã hội là dân chủ, của dân, do dân và vì dân. *Giai đoạn thứ nhất* là giai đoạn đất nước ta tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân hay chính là giai đoạn đấu tranh giành độc lập dân tộc và thống nhất đất nước (1930 - 1975). Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ VIII (5/1941) họp tại Pắc Bó, Cao Bằng đã quyết định nhiều nội dung quan trọng, trong đó nổi lên mục tiêu chính trị trong giai đoạn này được

Đảng ta xác định chính là **độc lập dân tộc và người cày có ruộng**. *Giai đoạn thứ hai* là giai đoạn quá độ lên chủ nghĩa xã hội (từ 1975 đến nay). Sau khi cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ giành thắng lợi, đất nước thống nhất hai miền Nam Bắc, Đảng ta đã xác định mục tiêu chính trị của đất nước trong giai đoạn này là **độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội**. Theo tinh thần của Cương lĩnh năm 1991 mà Đại hội VII của Đảng chỉ ra, tiếp đó được bổ sung, phát triển trong Cương lĩnh 2011 và các Đại hội tiếp sau thì xã hội chủ nghĩa có các đặc trưng trên các mặt: lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất, nhà nước, nền văn hóa và con người mới, vị trí và vai trò của nhân dân trong xã hội mới đó, quan hệ giữa các dân tộc và quan hệ quốc tế (Vũ Hữu Ngoạn, 2011). Từ khi xác định mục tiêu chính trị của đất nước trong giai đoạn sau chiến tranh là xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhiều văn kiện của Đảng sau này đã có những sáng kiến để phổ biến rộng rãi mục tiêu này đến nhân dân một cách dễ hiểu nhất. Đặc biệt là trong văn kiện Đại hội lần thứ IX của Đảng Cộng sản Việt Nam (năm 2001) đã quyết định cụ thể hóa mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội trong giai đoạn mới thành **mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh**. Sau đó, mục tiêu này tiếp tục được nhấn mạnh trong Đại hội của Đảng lần thứ X (năm 2006). Đây không phải là một sự thay đổi mà là một sự chuyển hóa về mục tiêu chính trị, vừa là sự diễn giải về mặt ngôn từ vừa là sự cụ thể hóa về mặt nhiệm vụ. Đảng cũng nêu rõ “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh” là mục tiêu nhưng là mục tiêu cần đạt được để có điều kiện để xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Nói cách khác, “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh” là mục tiêu cụ thể, là điều kiện để thực hiện mục tiêu lâu dài là xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chính ở điểm này mà Việt Nam khác với các nước tư bản. Họ cũng hướng tới mục tiêu làm cho dân giàu,

nước mạnh, cũng hướng tới dân chủ và công bằng song đó là mục tiêu cuối cùng, là đích đến phải đạt được. Do đó, trong quá trình thực hiện không tránh khỏi những bất cập, hạn chế và sự cạnh tranh khốc liệt để đạt được mục tiêu đề ra. Nhưng quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam lại khác, với chúng ta, “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh” là bước đệm để vươn tới mục tiêu lớn hơn là chủ nghĩa xã hội. Vì thế, quá trình thực hiện luôn được đặt trong và được kiểm tỏa bởi những điều kiện, những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội. Từ đó hạn chế thấp nhất những rủi ro và sự phân hóa khoảng cách giữa các nhóm người trong xã hội.

Trước những yêu cầu mới của đất nước cùng quá trình tổng kết thực tiễn phát triển đất nước, Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ XI (năm 2011) diễn ra và đã kết luận nhiều vấn đề. Trong đó, mục tiêu chính trị của đất nước giai đoạn quá độ lên chủ nghĩa xã hội có sự điều chỉnh thành **dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh**. Như vậy, về mặt cảm quan, vị trí của cụm từ “dân chủ” được đưa lên trước “công bằng, văn minh” (so với mục tiêu đề ra từ Đại hội X). Không phải ngẫu nhiên mà Đảng ta xác định dân chủ là mục tiêu chính trị chiến lược trong giai đoạn hiện nay và cần phải thực hiện, thực hành dân chủ. Thực tế, dân chủ vốn đã được Đảng nhận thức ngay từ khi bắt đầu công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Cụ thể, trong trang 8 Cương lĩnh chính trị năm 1991 chỉ rõ: Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội do nhân dân lao động làm chủ. Đây chính là đặc trưng của chủ nghĩa xã hội được đặt ở vị trí đầu tiên. Dân chủ là bản chất của chủ nghĩa xã hội.

Bỏ qua giai đoạn tư bản chủ nghĩa, con đường mà Đảng định hướng đất nước ta là tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội. Một trong những lý do quan trọng là bởi, sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ngay từ ban đầu đã bộc lộ những điểm

khuyết, đi ngược lại với những giá trị nhân văn, vì con người. Ở đó, người lao động nghèo không có tiếng nói và vị trí của mình. Trong xã hội tư bản, sự phân chia khoảng cách kinh tế rất rõ ràng và mục tiêu kinh tế, mục tiêu lợi nhuận cũng được đẩy lên tối đa. Do vậy, thực chất mục tiêu của chế độ tư bản không hề hướng về con người với tính cách là đông đảo nhân dân lao động. Một khi những giá trị nhân văn, vì con người không được đề cao thì không thể coi đó là một chế độ phát triển, tiến bộ. Và vì thế, con đường chính trị, mục tiêu chính trị mà Đảng ta đã lựa chọn là một tiến bộ xã hội, chứa đựng sâu sắc tính chất nhân văn và giá trị văn hóa thấm nhuần.

Tư tưởng lấy dân làm gốc đã được Đảng ta thấm nhuần và vận dụng linh hoạt trong thực tiễn phát triển đất nước. Nhân dân không chỉ là gốc rễ mà nhân dân còn chính là chủ thể, trung tâm của quá trình phát triển. Một lần nữa chủ trương phải thân dân, tin dân, trọng dân, gần dân, sát dân, hiểu dân, yêu dân, kính dân, vì dân; gắn với phương châm mà Hồ Chí Minh đã chỉ ra: óc nghĩ, mắt trông, tai nghe, chân đi, miệng nói, tay làm đã được thể hiện nhất quán và xuyên suốt trong Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng. Trong đó có đoạn nhấn mạnh: “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội làm nòng cốt để nhân dân làm chủ. Cấp ủy, tổ chức đảng, các tổ chức trong hệ thống chính trị, đội ngũ đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức nêu gương thực hành dân chủ, tuân thủ pháp luật, đề cao đạo đức xã hội. Đảng và Nhà nước ban hành đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật tạo nền tảng chính trị, pháp lý, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền làm chủ của nhân dân. Đề cao vai trò chủ thể, vị trí trung tâm của nhân dân trong chiến lược phát triển đất nước, trong toàn bộ quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021).

Thứ hai, phương tiện chính trị của Đảng thể hiện ý chí, nguyện vọng và vai trò làm chủ của nhân dân. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa đang được chúng ta xây dựng và hoàn thiện. Nó không còn là một ý niệm hay chỉ tồn tại ở khái niệm thuần túy mà đã và đang được xây dựng với những nội dung và đặc trưng được chi tiết hóa, cụ thể hóa trong các văn kiện của Đảng. Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam mang bản chất xã hội chủ nghĩa. Bản chất này được diễn giải ở những đặc trưng sau: (1) Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; tất cả quyền lực nhà nước đều thuộc về nhân dân. (2) Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. (3) Nhà nước được tổ chức và hoạt động trên cơ sở Hiến pháp, pháp luật, pháp luật giữ vị trí tối thượng trong điều chỉnh các quan hệ xã hội. (4) Nhà nước tôn trọng và bảo đảm quyền con người, quyền công dân, nâng cao trách nhiệm pháp lý giữa Nhà nước và công dân, thực hành dân chủ, tăng cường kỷ cương, kỷ luật. (5) Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo (Đỗ Đức Minh, 2014). Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân một mặt lấy pháp luật làm công cụ chủ yếu điều chỉnh xã hội.

4. KẾT LUẬN

Tư tưởng của Nguyễn Đình Chiểu nói chung và quan niệm của ông về chữ “Trung” nói riêng có vai trò và giá trị to lớn đối với sự phát triển của lịch sử tư tưởng dân tộc cũng như thực tiễn đời sống văn hóa ở nước ta hiện nay, nhìn ở phạm vi hẹp hơn chính là văn hóa chính trị. Sự thấm nhuần tư tưởng trong việc xây dựng và hình thành nên phong cách, đạo đức, phương châm chính trị của Đảng ta là một ví dụ cụ thể sinh động. Qua thực tiễn này càng cho thấy sức sống

manh mẽ của tư tưởng trong tiến trình hình thành và phát triển của một cá nhân hay tổ chức. Sự tác động của tư tưởng đôi khi thâm trầm, âm ỉ nhưng là rường cột để định hình nên bản chất, cốt cách của một chủ thể nhất định. Từ quan niệm về “Trung” của Nguyễn Đình Chiểu đến quan điểm “Trung với nước, hiếu với dân” được Hồ Chí Minh phát triển và Đảng Cộng sản Việt Nam giữ gìn, phát huy chính là một hình dung như vậy. Những hạt nhân tiến bộ trong tư tưởng của Nguyễn Đình Chiểu còn có giá trị to lớn nếu chúng ta biết chắt lọc và vận dụng sáng tạo, không chỉ trong xây dựng văn hóa chính trị mà còn là xây dựng giá trị đạo đức, văn hóa và hoàn thiện nhân cách của mỗi cá nhân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.
- Nguyễn Đình Chiểu. (1997). *Toàn tập*, tập 1. Hà Nội: Nhà xuất bản Văn học.
- Nguyễn Đình Chiểu. (1997). *Toàn tập*, tập 2. Hà Nội: Nhà xuất bản Văn học.
- Nguyễn Đình Chiểu. (2017). *Lục Vân Tiên*. Hà Nội: Nhà xuất bản Văn học.
- Đỗ Đức Minh. (Ngày 16 tháng 10, 2014). Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Những yếu tố tác động từ truyền thống và hiện đại. *Tạp chí Cộng sản*. Truy cập từ <https://www.tapchicongsan.org.vn>.
- Nguyễn Bá Thế. (1957). *Nguyễn Đình Chiểu (thân thế và thơ văn)*. Sài Gòn: Nhà xuất bản Tân Việt.
- Nguyễn Ngọc Thiện. (2003). (Tuyển tập và giới thiệu). *Nguyễn Đình Chiểu về tác gia và tác phẩm*. Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục.

- Tuấn Thành. & Anh Vũ. (2005). *Nguyễn Đình Chiểu tác phẩm và lời bình*. Hà Nội: Nhà xuất bản Văn học.
- Vũ Khiêu. & Nguyễn Đức Sự. (1982). *Nguyễn Đình Chiểu ngôi sao sáng của người trí thức Việt Nam*. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học xã hội.
- Vũ Hữu Ngoạn. (Ngày 26 tháng 7, 2011). Về mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. *Tạp chí Quốc phòng toàn dân*. Truy cập từ <http://tapchiquptd.vn>.
- Viện Văn học. (1973). *Nguyễn Đình Chiểu tấm gương yêu nước và lao động nghệ thuật*. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học xã hội.